TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2018/DS-ST.
Ngày: 12-10-2018.
V/v"tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Hoa;

2. Bà Trương Thị Kim Tiến,

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 483/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên B.

Địa chỉ trụ sở: 145-147-149, Hùng Vương, phường 2, thành phố A, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên hệ: 10, Lý Tự Trọng, phường C, quận 1, Thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quyết T1, chức vụ: Giám đốc khối công nợ Ngân hàng B, theo văn bản ủy quyền số 13/2017/GUQ-CTHĐTV, ngày 01/9/2017).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng tại tòa: Ông Trần Huy T2, sinh năm 1974, chức vụ chuyên viên Cao cấp phòng công nợ Ngân hàng B, theo văn bản ủy quyền số 801/2018/GUQ-CB ngày 08/8/2018, (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1941.

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

Bà Phan Tuyết L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: B4/1- Tổ 4, ấp Y, xã N, huyện O, Thành phố M, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2018 và lời khai của ông Trần Huy T2 đại diện cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên B trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày như sau:

Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên B (Thương mại Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được viết tắt: TM TNHH MTV) chi nhánh Long An và bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L, đã ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp tài sản số 0211703AA-0051 cho bà Nguyễn thị C và bà Phan Tuyết L vay với số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 13 tháng từ ngày 11 tháng 10 năm 2013 cho đến ngày 11 tháng 11 năm 2014. Lãi suất vay: Trong đó gồm có trong hạn 1,35%/tháng, quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ, tiền gốc trả một lần hoặc nhiều lần lã trả cuối ký vào ngày 11/11/2014 mục đích vay là chăn nuôi bò nền, tài sản được đảm bảo của khoản tiền vay là quyền sử sử đất, thửa đất số 2194, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp 4, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích là 2.404m^2, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đất đến tháng 10 năm 2043, nguồn gốc đất là Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 690325, số vào sổ cấp : H 01887, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp ngày 25/11/2005 cho bà Nguyễn Thị C đứng giấy. Giá trị tài sản được thế chấp có nêu trong hợp đồng là 144.240.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà C và bà L thường xuyên vi phạm hợp đồng cụ thể là nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi suất cho Ngân hàng B. Mặc dù Ngân hàng có rất nhiều lần đôn đốc làm việc với bà C và bà L cho cam kết trả nợ dần hàng tháng nhưng bà C và bà L vẫn không thực hiện đúng theo cam kết trả nợ. Do đó, Ngân hàng đã chuyển khoản tiền vay chưa thanh toán sang nợ qúa hạn và áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 23/11/2014 theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký.

Tạm tính đến hết ngày 12/10/2018, tổng số tiền của bà C và bà L còn nợ lại Ngân hàng B là: 72.915.400 đồng. Trong đó nợ tiền gốc là: 37.000.000 đồng, nợ tiền lãi suất quá là: 35.915.400đồng.

Nay ông T2 đại diện cho ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam yêu cầu bà C và bà L phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng TM TNHH MTV B. Sau khi án có hiệu lực pháp luật mà bà C và bà L không thanh toán số tiền trên thì tài sản được thế chấp cho Ngân hàng bán để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Phan Tuyết L trình bày: Bà thừa nhận bà Nguyễn Thị Ch là mẹ ruột của bà cùng với bà có vay tiền của Ngân hàng B là 40.000.000 đồng, tài sản được thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị C đứng tên, thời hạn trả cũng như mức lãi suất có trong hợp đồng giữa bà và bà C cùng với Ngân hàng B đã ký, bà xác định bà đã trả được 3.000.000 đồng số tiền gốc, nay bà và bà C còn nợ lại

Ngân hàng TM TNHH MTV B như ông T2 đã trình bày là 72.915.400 đồng trong đó nợ tiền gốc là 37.000.000 đồng, nợ tiền lãi suất là 35.915.400 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà và bà C trả cho Ngân hàng khoản tiền trên bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc cho Ngân hàng 37.000.000 đồng còn phần lãi suất bà xin Ngân hàng không trả, bởi gì gia đình bà kinh tế quá khó khăn nên không có khả năng trả số tiền lãi cho Ngân hàng, còn số tiền gốc thì bà đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi tháng trả cho Ngân hàng 500.000 đồng cho đến khi xong số nợ gốc trên.

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà đống ý theo lời trình bày của bà L, bà không có ý kiến bổ sung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[2] Về thẩm quyền:

Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, Hội đồng xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: Tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*", Ngân hàng TM TNHH MTV B có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về xây dựng hồ sơ vụ án chuẩn bị đưa ra xét xử:

Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. các đương sự điều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã được xác định đúng và đầy đủ. Qua hòa giả các đương sự đều thống nhất với nhau về số tiền nợ gốc cũng như số tiền nợ lãi suất cho đến hôm nay. Nhưng các trả nợ thì các bên không thống nhất. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo đúng quy định pháp luật.

[4]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Trần Huy T2 và bà Phan Tuyết L, thấy rằng giữa Ngân hàng TM TNHH MTV B với bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L có ký kết hợp đồng tín dụng kim hợp đồng thế chấp tài sản số 0211703AA0051 ngày 11/10/2013 vay với số tiền 37.000.000 đồng, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà C và bà L phải thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 13 tháng mức lãi suất trong hạn là 1,35%/tháng, và quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Sau khi nhận tiền vay bà C và bà L đã thanh toán cho Ngân hàng được 3.000.000 đồng và không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào khác.

Nay ông T2 đại diện theo ủy cho cho Ngân hàng TM TNHH MTV B yêu cầu bà C và bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng khoản tiền 72.915.400 đồng, (trong đó tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng, tiền nợ lãi suất là 35.915.400 đồng, tạm tính đến ngày 12/10/2018) kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2018 nếu như bà C và bà L không thanh toán hết số tiền trên cho Ngân hàng thì hàng tháng bà C và bà L còn phải chịu lãi suất của số tiền trên chưa thanh toán, mức lãi suất theo mức lãi suất của hợp đồng mà giữa Ngân hàng và bà C bà L đã ký trước đây.

Đối với bà C và bà L đều thừa nhận số tiền gốc và tiền lãi suất còn nợ lại Ngân hàng và đều đồng ý trả số tiền gốc cho Ngân hàng nhưng xin được trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi xong nợ gốc, còn khoản tiền nợ lãi suất của Ngân hàng thì xin được không trả, bởi gì các bà cho rằng hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn nên không có khả năng trả lãi suất.

Việc trả của bà C và bà L, ông T2 đại diện cho Ngân hàng TM TNHH MTV b không chấp nhận theo cách trả dần của bà C và bà L cũng như việc xin không trả tiền lãi suất. Hội đồng xét thấy, việc trả dần khoản tiền gốc của bà C và bà L hàng tháng trả quá ít so với nợ quá nhiền nên sẽ làm ảnh hưởng quyền lợi cho việc thu hồi vốn của Ngân hàng còn việc xin không trả lãi suất cho Ngân hàng của bà C và bà L chưa đủ chứng cứ để Hội đồng xem xét. Bởi lẽ, căn cứ vào hợp đồng vay giữa Ngân hàng với bà C và bà L có thể hiện phần lãi suất mà các bên đã ký nên không thể chấp nhận theo yêu cầu xin được trả dần số tiền nợ gốc cũng nhưng không trả phần lãi suất của bà Ch và bà L. Mặt khác, ông T2 không chấp nhận theo cách trả của bà C và bà L, Nên cần phải buộc bà Cvà bà L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV b số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng và số tiền nợ lãi suất là 35.915.400 đồng, lãi suất tạm tính cho đến ngày 12/10/2018.

Kể từ ngày 13/10/2018 nếu như bà C và bà L không thanh toán số tiền rên cho Ngân hàng TM TNHH MTV B thì bà C và bà L còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thanh toán và mức lãi suất theo mức lãi mà các bên đã ký theo hợp đồng. Bà C và bà L không không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TM TNHH MTV B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp tài sản số 0211703AA 0051 ngày 11/10/2013, tài sản thế chấp gồm có: thửa đất số 2194, tờ bản đồ số 4, xã Hựu Thạnh, diện tích 2.404m^2 theo giấy chứng nhận số AD 690325, vào sổ: H01887, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp ngày 25/11/2005 cho bà Nguyễn Thị C đứng giấy.

[5] Bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng TM TNHH MTV B được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điểm b, khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 Quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV B về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L.

Buộc bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV B số tiền 72.915.400 đồng (*Bảy mươi hai triệu chín trăm*

mười lăm ngàn bốn trăm đồng) trong đó (số tiền nợ gốc là 37.000.000 đồng, số tiền nợ lãi suất tính đến ngày 12/10/2018 là 35.915.400 đồng).

2. Từ ngày 13/10/2018 đến khi thi hành án xong khoản tiền trên bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L phải trả thêm lãi theo mức lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng số 0211703AA0051, ngày 11/10/2013 giữa Ngân hàng TM TNHH MTV B và bà Nguyễn Thị C đã ký.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L không thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng TM TNHH MTV B được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa đất số 2194, tờ bản đồ số 4, xã X, diện tích 2.404m^2 theo giấy chứng nhận số AD 690325, vào sổ: H01887, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp ngày 25/11/2005 cho bà Nguyễn Thị C đứng giấy.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị C và bà Phan Tuyết L liên đới phải chịu 3.645.770 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước và 1.000.000 đồng số tiền chi phí thẩm định. Đối với số tiền 1.000.000 đồng chi phí thẩm định tài sản Ngân hàng TM TNHH MTV B đã tạm ứng trước và chi hết. Bà C và bà L nộp 1.000.000 đồng số tiền chi phí thẩm định. Hoàn lại cho Ngân hàng TM TNHH MTV B số tiền này và hoàn lại cho Ngân hàng TM TNHH MTV B số tiền 1.768.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003071 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án sơ thẩm xét xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THADS huyện
-Đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài